

Giải quyết việc làm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tĩnh : Luận văn ThS. Kinh tế: 60 31 01 / Đinh Thị Thúy Hòa ; Nghd. : TS. Trần Anh Tài

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc làm luôn được coi là một vấn đề kinh tế - xã hội sống còn của toàn nhân loại, là nhu cầu chính đáng của mỗi công dân, là mối quan tâm hàng đầu đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, chính vì vậy, tạo việc làm đầy đủ cho người lao động luôn được coi là vấn đề ưu tiên hàng đầu trong chính sách phát triển của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam là quốc gia nghèo, điểm xuất phát thấp, có nền kinh tế chậm phát triển và phải chịu nhiều hậu quả chiến tranh. Việt Nam có nguồn nhân lực dồi dào, cơ cấu dân số trẻ, nhưng lại bị hạn chế bởi trình độ lao động thấp, kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu lao động cao, đa số là lao động chưa qua đào tạo. Tình hình gia tăng dân số hiện nay cũng là vấn đề đáng báo động với tỷ lệ tăng dân số là 2,1%, với tỷ lệ như vậy mỗi năm dân số của nước ta sẽ tăng thêm bằng 1 tỉnh. Trong điều kiện đó, vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động đang trở nên hết sức nan giải với sự diễn biến phức tạp của tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, đây là yếu tố làm cản trở quá trình vận động và phát triển đất nước. Bởi vậy việc giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước góp phần quan trọng trong việc tăng trưởng kinh tế, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nêu rõ: "Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản. Bằng nhiều biện pháp, tạo ra nhiều việc làm mới, tăng quỹ thời gian lao động được sử dụng, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn. Các thành phần kinh tế mở mang các ngành

nghề, cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng sử dụng nhiều lao động. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động...".

Hà Tĩnh là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, có điều kiện tự nhiên khó khăn, các yếu tố phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, trong đó hạn chế về mặt chất lượng lao động đang là một trở ngại không nhỏ đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với chất lượng lao động thấp, phần lớn lao động chưa được qua đào tạo và sự đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực chưa đúng mức đã làm cho vấn đề giải quyết việc làm ở Hà Tĩnh gặp không ít khó khăn. Bên cạnh đó, tốc độ phát triển dân số nhanh, mật độ dân số phân bố không đồng đều; thu nhập bình quân đầu người thấp; ngành nghề dịch vụ kém phát triển; cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu thốn đã và đang làm nảy sinh những mâu thuẫn gay gắt giữa cung và cầu về lao động khiến cho vấn đề việc làm có thêm nhiều bức xúc đòi hỏi phải nhanh chóng giải quyết.

Hà Tĩnh cũng như các tỉnh khác, đang trong quá trình tiến hành việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những cơ hội được mở rộng và thách thức cũng ngày càng lớn. Kinh nghiệm cho thấy khi tiến hành Công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ có hiện tượng vừa thừa, vừa thiếu về lao động: Thừa những lao động có trình độ, chuyên môn, tay nghề không đáp ứng được yêu cầu công việc, thiếu những lao động lành nghề, có trình độ cao. Có những ngành sẽ tăng nhu cầu sử dụng lao động, nhưng cũng có lĩnh vực sẽ giảm lực lượng lao động do áp dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vấn đề ở đây là yếu tố chất lượng lao động. Chính vì vậy giải quyết bài toán về lao động cho Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là vô cùng quan trọng và cần thiết. Xuất phát từ thực tiễn đó, tác giả chọn đề tài: "***Giải quyết việc làm trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Hà Tĩnh***" là đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành kinh tế chính trị của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Giải quyết việc làm cho người lao động luôn là vấn đề quan trọng mà bất kỳ quốc gia nào cũng đều quan tâm. Đặc biệt hơn, đối với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng là một vấn đề hết sức khó khăn. Hà Tĩnh đang tiến hành đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, do đó giải quyết

việc làm là vấn đề ưu tiên. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề việc làm trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nước cũng như ngoài nước như:

- *Chính sách giải quyết việc làm ở Việt Nam*, của TS. Nguyễn Hữu Dũng và TS. Trần Hữu Thung (chủ biên), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997;

- *Thực trạng thất nghiệp và gia tăng đói nghèo ở nông thôn hiện nay*, của PGS.TS Phí Văn Đậu, Đại học Nông nghiệp I;

- *Một số giải pháp giải quyết việc làm trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, của Trần Tuấn Anh, luận văn thạc sỹ, Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997;

- *Sử dụng nguồn lao động và việc làm*, của Trần Đình Hoan và Lê Mạnh Khoa, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991;

- *Điều tra về lao động và việc làm ở Việt Nam*, do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội phối hợp Tổng cục Thống kê triển khai hàng năm (từ 1996 đến nay);

- *Hội thảo về lao động, việc làm*, do Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương tổ chức.

Ngoài ra, còn có một số bài viết về giải quyết việc làm trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đăng tải trên các sách báo, tạp chí khoa học như:

- *Ảnh hưởng của nền kinh tế tri thức với vấn đề giải quyết việc làm ở Việt Nam*, của GS.TS Đỗ Thế Tùng, Tạp chí Lao động và công đoàn, 2002.

- *Vấn đề lao động và việc làm ở Việt Nam từ đổi mới đến nay*, của các tác giả: GS.TS Phạm Đức Thành, PGS.TS Phạm Quý Thọ, ThS. Thang Mạnh Hợp, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, 2003.

- *Ảnh hưởng của công nghiệp hóa, hiện đại hoá trong việc sắp xếp việc làm ở Việt Nam hiện nay*, của PGS.TS Phan Thanh Phổ, Tạp chí Nông nghiệp số 29/2007 .

Nhìn chung những công trình nghiên cứu trên chưa nghiên cứu một cách hệ thống tình hình giải quyết việc làm trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỉnh Hà Tĩnh hàng năm đều có báo cáo về tình hình giải quyết việc làm; điều tra lao động và việc làm hàng năm của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh; báo cáo về kết quả tăng trưởng kinh tế, báo cáo về tình hình đầu tư, về tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có công trình nào

nghiên cứu nào có tính chất khoa học hệ thống về vấn đề giải quyết việc làm ở Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa ra những giải pháp để sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn lao động dư thừa ở Hà Tĩnh hiện nay. Thông qua luận văn "*Giải quyết việc làm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tĩnh*", tác giả hy vọng sẽ tìm ra được những câu trả lời trên.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích của luận văn

Trên cơ sở lý luận các vấn đề về giải quyết việc làm, thị trường việc làm, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thông qua việc thống kê, phân tích, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực và nhu cầu sử dụng lao động ở Hà Tĩnh để đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết việc làm cho người lao động ở Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2008 - 2013.

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về lao động, việc làm, thất nghiệp, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tìm hiểu, phân tích những nhân tố tác động đến giải quyết việc làm.

- Phân tích, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực và nhu cầu sử dụng lao động ở Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm giải quyết có hiệu quả vấn đề việc làm cho người lao động ở tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn đến năm 2013.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng nguồn nhân lực và tình hình giải quyết việc làm ở tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

4.2. Phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng nguồn nhân lực và tình hình sử dụng lao động ở tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2005 -2008. Hướng giải quyết việc làm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2008-2013.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử kết hợp các phương pháp tổng hợp, phân tích, chứng minh, thống kê, lôgic, đối chiếu, so sánh để làm sáng tỏ vấn đề.

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn

- Khảo sát và đưa ra những số liệu chính xác về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, số liệu về việc làm, thất nghiệp của các thành phần kinh tế từ năm 2005, số liệu dự báo về nhu cầu cung cầu lao động đến năm 2013.

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá một cách có hệ thống thực trạng nguồn nhân lực, nhu cầu sử dụng lao động và việc giải quyết việc làm ở tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đến năm 2013.

- Đề xuất những giải pháp có tính khả thi nhằm từng bước thúc đẩy hiệu quả giải quyết việc làm ở Hà Tĩnh trong những năm tới (đến năm 2013).

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vấn đề giải quyết việc làm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chương 2: Thực trạng giải quyết việc làm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tĩnh.

Chương 3: Một số giải pháp cơ bản giải quyết việc làm ở Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2009-2013.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1.1. Một số khái niệm về lao động, việc làm, thất nghiệp và thị trường lao động

1.1.1. Một số khái niệm về lao động và thị trường lao động

1.1.1.1. Một số khái niệm về lao động

* **Lao động:** Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người. Trong quá trình lao động, con người vận dụng sức lực tiềm tàng trong thân thể của mình, sử dụng công cụ lao động để tác động vào đối tượng lao động nhằm biến đổi nó phù hợp với nhu cầu của mình.

* **Lực lượng lao động:** Từ những quan niệm của các nhà nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam, chúng ta có quan niệm về lực lượng lao động như sau: Lực lượng lao động bao gồm toàn bộ những người từ đủ 15 tuổi trở lên đang có việc làm hoặc không có việc làm, nhưng có nhu cầu làm việc và sẵn sàng làm việc.

* **Nguồn lao động:** Theo giáo trình Kinh tế phát triển của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2005) đưa ra khái niệm: " Nguồn lao động là bộ phận dân số trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật có khả năng lao động, có nguyện vọng tham gia lao động và những người ngoài độ tuổi lao động (trên độ tuổi lao động) đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân".

Nguồn lao động luôn được xem xét trên hai mặt: Số lượng và chất lượng.

1.1.1.2. Khái niệm về thị trường lao động

Theo ILO: Thị trường lao động là thị trường trong đó các dịch vụ lao động được mua và bán thông qua một quá trình để xác định mức độ có việc làm của lao động cũng như mức độ tiền lương và tiền công.

* **Cung về lao động.**

* **Cầu về lao động.**

* **Quan hệ cung, cầu lao động.**

1.1.2. Một số khái niệm về việc làm và thất nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm về việc làm

Điều 13, chương II, Bộ luật Lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: "Mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm".

1.1.2.2. Khái niệm về thiếu việc làm

Theo ILO, người thiếu việc làm là người trong tuần lễ tham khảo có số giờ làm việc dưới mức quy định chuẩn cho người có đủ việc làm và có nhu cầu có thêm việc làm.

Nguyên nhân thiếu việc làm: Do nền kinh tế chậm phát triển, diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người thấp và giảm dần do đô thị hoá; do lực lượng lao động tăng quá nhanh, trong khi đó số chỗ làm việc mới tạo ra quá ít, do trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề của người lao động còn thấp kém; do tính chất thời vụ, thời tiết khí hậu, do chính sách đầu tư chưa hợp lý, sản phẩm sản xuất ra không tiêu thụ được.

1.1.2.3. Khái niệm về thất nghiệp

Theo khái niệm của tổ chức lao động Quốc tế (ILO), thất nghiệp (theo nghĩa chung nhất) là tình trạng tồn tại khi một số người trong độ tuổi lao động muốn có việc làm nhưng không thể tìm được việc làm ở mức tiền công nhất định.

Một người thất nghiệp phải có 3 tiêu chuẩn: Đang mong muốn và tìm việc làm; có khả năng làm việc; hiện đang chưa có việc làm

Phân loại thất nghiệp:

- Xét về nguồn gốc thất nghiệp có thể chia thành: Thất nghiệp tự nhiên, thất nghiệp tạm thời, thất nghiệp cơ cấu, thất nghiệp chu kỳ;

- Xét về tính chủ động của người lao động, thất nghiệp có thể chia thành: Thất nghiệp hữu hình, thất nghiệp trá hình

- Xét theo hình thức thất nghiệp có thể chia thành: Thất nghiệp theo giới tính, thất nghiệp theo lứa tuổi, thất nghiệp theo vùng lãnh thổ, thất nghiệp theo ngành nghề.

1.1.2.4. Khái niệm giải quyết việc làm

Giải quyết việc làm là khái niệm chỉ việc tạo ra các cơ hội để người lao động có việc làm và tăng thu nhập, phù hợp với lợi ích của bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội.

Giải quyết việc làm có thể được hiểu ở một số khía cạnh sau đây: Thứ nhất, tạo ra số lượng và chất lượng tư liệu sản xuất; thứ hai, tạo ra số lượng và chất lượng sức lao động; thứ ba, thực hiện các giải pháp để duy trì việc làm ổn định và đạt hiệu quả cao, các giải pháp về quản lý thị trường, kỹ thuật... nhằm nâng cao hiệu quả của việc làm. Vì vậy, giải quyết việc làm là tổng thể các biện pháp, chính sách kinh tế, xã hội từ vi mô tác động đến người lao động có thể có việc làm.

1.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và vấn đề giải quyết việc làm

1.2.1. Một số khái niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Tại Hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ 7 khóa VI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra khái niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa như sau: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ quản lý kinh doanh, dịch vụ và quản lý Kinh tế- xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học- công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

1.2.2. Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến vấn đề giải quyết việc làm

1.2.2.1. Tác động tới sự dịch chuyển dân cư và lao động: Dân cư, lao động có sự di chuyển theo hướng: tăng ở khu vực đô thị, giảm ở khu vực nông thôn.

1.2.2.2. Tác động đến cơ cấu việc làm

1.2.2.3. Tác động đến cung về lao động

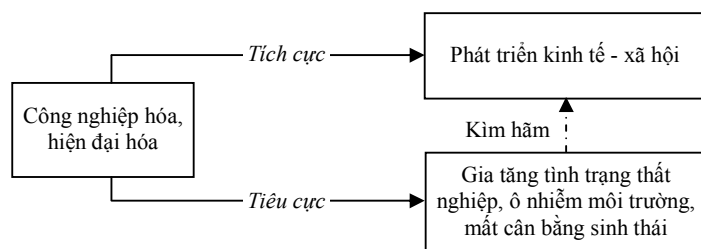
1.2.2.4. Tác động đến cầu về lao động

1.2.2.5. Ảnh hưởng tích cực: Sức lao động của con người sẽ được giải phóng trên cơ sở sử dụng máy móc hiện đại vào sản xuất; những ứng dụng của khoa học công nghệ giúp gia tăng cơ hội việc làm cho một bộ phận con người; việc ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào các mặt trong đời sống xã hội hình thành nên một thị trường lao động mới; tạo ra nhiều việc làm mới.

1.2.2.6. Ảnh hưởng tiêu cực: Gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường, khiến một bộ phận người lao động sống dựa vào thiên nhiên sẽ bị mất tư liệu sản xuất; gia tăng tình trạng thất nghiệp đối với lao động giản đơn; phân cấp về lao động giữa các quốc gia.

1.2.3. Vai trò của giải quyết việc làm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Bên cạnh việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn nhiều vấn đề phát sinh, một trong những vấn đề đó là: thiếu lao động có chuyên môn phù hợp đáp ứng được yêu cầu công việc, thừa lao động không có trình độ, không có tay nghề.



Sơ đồ 1.1: Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến phát triển kinh tế - xã hội

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển kinh tế, xã hội → thất nghiệp cao, hoặc không phù hợp với công việc → nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực, tệ nạn... Do vậy, ý nghĩa của việc giải quyết việc làm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là vô cùng quan trọng.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến giải quyết việc làm

1.3.1. Tài nguyên thiên nhiên

1.3.2. Dân số và tỷ lệ tăng dân số

1.3.3. Khoa học - công nghệ

1.3.4. Sự phát triển của thị trường hàng hoá sức lao động

* Đặc trưng quan hệ cung – cầu về lao động ở Việt Nam

* Sự phát triển của hoạt động xuất khẩu lao động

1.3.5. Chính sách giải quyết việc làm của Đảng và Nhà nước

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng: "Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Mọi công dân đều được tự do hành nghề, thuê mướn công nhân theo pháp luật...".

Để giải quyết việc làm cho người lao động, vấn đề quan trọng nhất là Đảng và Nhà nước phải tạo ra các điều kiện và môi trường thuận lợi để người lao động tự tạo việc làm trong cơ chế thị trường thông qua những chính sách cụ thể nhằm phát huy các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Chương 2

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH HÀ TĨNH

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của Hà Tĩnh

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

2.1.1.1. Tài nguyên đất

2.1.1.2. Tài nguyên nước

2.1.1.3. Tài nguyên rừng và động thực vật

2.1.1.4. Tài nguyên biển

2.1.1.5. Tài nguyên khoáng sản

2.1.1.6. Tài nguyên du lịch, tự nhiên và nhân văn

2.1.1.7. Tài nguyên khí hậu

2.1.2. Đặc điểm kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2004-2007 đạt trên 9,4%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Công nghiệp - Xây dựng đạt 23,36%; Thương mại - Dịch vụ 34,27%; Nông - Lâm - Ngư nghiệp 42,37%. Nhìn chung, trong khoảng hơn một thập kỷ qua, kinh tế của Hà Tĩnh có xu hướng tăng rõ rệt, giai đoạn sau cao hơn giai đoạn trước, cao hơn trung bình cả nước, nhưng thấp hơn so Nghệ An.

Hà Tĩnh đang tập trung các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng cho 2 khu kinh tế: Khu Kinh tế Vũng Áng, Khu Kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo

2.1.3. Đặc điểm về dân số, dân cư

Về mặt hành chính: Đến nay Hà Tĩnh có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó có 10 huyện, 01 thành phố (thành phố Hà Tĩnh), 01 thị xã (thị xã Hồng Lĩnh) với 262 xã, phường, thị trấn. Năm 2007, dân số Hà Tĩnh có 1.280.549 nghìn người. Cơ cấu dân số nông thôn và thành thị: dân số nông thôn chiếm gần 90%; dân số thành thị chiếm hơn 10%. Với tỷ lệ này, mức độ đô thị hoá của Hà Tĩnh là thấp so với trung bình cả nước (25%). Dân cư phân bố không đồng đều: tập trung cao ở khu vực đồng bằng phía đông bắc tỉnh, còn dọc đường Hồ Chí Minh mật độ dân cư thấp.

2.1.4. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của Tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa

2.1.4.1. Những thuận lợi

- Hà Tĩnh nằm trên nút giao thông quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ và khu vực (Việt Nam - Lào - Đông Bắc Thái Lan)
- Hà Tĩnh có nguồn nhân lực dồi dào, có trí lực và thể lực; người dân Hà Tĩnh cần cù, hiếu học, sáng tạo trong lao động và có tính cộng đồng cao.
- Hà Tĩnh hội đủ 3 thế mạnh: Rừng và đất lâm nghiệp; đồng bằng đã gần như chủ động nước tưới tiêu; biển và ven biển.
- Hà Tĩnh có nguồn khoáng sản phong phú và đa dạng
- Hà Tĩnh có nhiều tiềm năng du lịch, nếu đầu tư, khai thác tốt sẽ góp phần to lớn vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.
- Trong thời kỳ tới nhiều dự án trọng điểm quốc gia sẽ được triển khai tại Hà Tĩnh.
- Các chính sách thu hút đầu tư thông thoáng của tỉnh và của Trung ương, xu hướng hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu cũng sẽ đem đến nhiều cơ hội để phát triển.

2.1.4.2. Những thách thức và khó khăn

- Điểm xuất phát kinh tế của Hà Tĩnh còn thấp, GDP bình quân đầu người năm 2005 chưa bằng 50% so với trung bình cả nước, thu ngân sách trên địa bàn chỉ mới đáp ứng khoảng 30% nhu cầu chi.
- Hầu hết các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh chưa có năng lực để hội nhập, các sản phẩm chưa có thương hiệu hoặc có nhưng thương hiệu chưa có uy tín, sức cạnh tranh kém.
- Đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ kỹ thuật thuộc các ngành của Hà Tĩnh hiện nay vừa thiếu lại vừa yếu; lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao, hệ thống trường đào tạo nghề phát triển chậm, chất lượng đào tạo chưa cao.
- Hà Tĩnh có khí hậu, thời tiết tương đối khắc nghiệt
- Hà Tĩnh xa các trung tâm kinh tế, hạ tầng kỹ thuật chưa được đầu tư đồng bộ, sức thu hút đầu tư từ bên ngoài thấp.
- Dân số Hà Tĩnh không cao, thu nhập còn thấp nên sức mua tại địa bàn yếu. Việc phát triển công nghiệp tập trung phải hướng ngoại.

2.2. Thực trạng giải quyết việc làm ở Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

2.2.1. Khái quát về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tĩnh

2.2.1.1. Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tĩnh

* Khi Hà Tĩnh tiến hành Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỉnh đã xác định được những mục tiêu cụ thể:

* Nội dung, tiến trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Tỉnh Hà Tĩnh

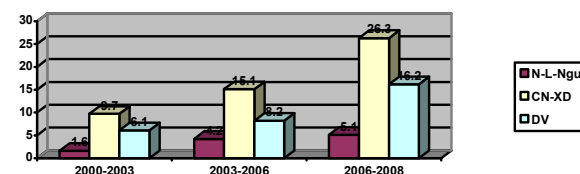
2.2.1.2. Kết quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tĩnh trong thời gian qua

* Quy mô, tốc độ tăng trưởng

GDP bình quân đầu người năm 2007 đạt 8.198,6 tỷ đồng, bình quân đầu người đạt 6,4 triệu đồng, (bằng 47,7% bình quân đầu người của cả nước). Tốc độ tăng GDP của Hà Tĩnh trung bình giai đoạn 1996-2000 đạt 7,06%/năm, trung bình 2001-2005 là 8,9%, năm 2006 là 9,52%, năm 2007 đạt 10,5%. Trong 06 tháng đầu năm 2009, tốc độ tăng trưởng đạt 6.13%, trong đó công nghiệp – xây dựng tăng 7,25%; nông – lâm – ngư nghiệp tăng 3,1%; dịch vụ tăng 9,4%.

* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp và chuyển dịch khá nhanh so với vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.



Biểu đồ 2.1: Tốc độ tăng trưởng bình quân GDP thời kỳ 2000 - 2008

* Hiện trạng phát triển các ngành

- Nông - lâm - ngư nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính

- *Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản*: công nghiệp khai thác tăng trưởng nhanh, công nghiệp chế biến tăng không ổn định, chưa có sản phẩm hàng hóa lớn.

Tỉnh Hà Tĩnh có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp, nhưng xuất phát điểm (quy mô và trình độ phát triển) của công nghiệp Hà Tĩnh còn tương đối thấp. Thời kỳ 2000-2007, cơ cấu công nghiệp – xây dựng có những chuyển biến tích cực: Năm 2000 chỉ chiếm 13,5% tổng GDP toàn tỉnh, 2005 tăng lên 22,5% và đến năm 2007 đạt 23,4%. Đến năm 2007, công nghiệp – xây dựng đạt 23,4%, giải quyết việc làm cho 6,9% lao động đang hoạt động trong các ngành kinh tế toàn tỉnh. *Nhiều dự án công nghiệp trọng điểm đang được triển khai một cách tích cực*: Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê, dự án nhà máy sản xuất phôi thép tại Vũng Áng, dự án Nhiệt điện Vũng Áng I...

- *Dịch vụ*: Thương mại đang trên đà phát triển, du lịch phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng.

* *Thu hút đầu tư*: Trong những năm qua, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn Hà Tĩnh chủ yếu là vốn huy động trong nước; vốn đầu tư nước ngoài còn ít.

2.2.2. Thực trạng giải quyết việc làm của Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

2.2.2.1. Thực trạng nguồn lao động ở tỉnh Hà Tĩnh

* *Số lượng lao động*: Nếu năm 2005, số lao động trong độ tuổi là 647.916 người, chiếm 49,96% thì đến năm 2008 số lao động trong độ tuổi là 712.000 người, chiếm gần 55% dân số.

* *Cơ cấu lao động*

- *Cơ cấu lao động theo ngành*

Bảng 2.5: Cơ cấu GDP và cơ cấu lao động theo ngành giai đoạn 2006-2008

(Đơn vị: %)

Ngành	2005		2008	
	GDP	Lao động	GDP	Lao động
Nông nghiệp	43,47	81,8	42,37	77,3
Công nghiệp – xây dựng	22,76	6,9	23,36	7,5
Dịch vụ	33,77	11,3	34,27	15,2

- *Cơ cấu lao động theo khu vực*: Lao động trong độ tuổi chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn, trong khi lực lượng lao động ở khu vực thành thị có xu hướng tăng, song mức tăng chưa ổn định.

- *Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế*: Khu vực ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn, trong khi khu vực nhà nước khá thấp và khu vực nước ngoài thì rất ít.

* *Chất lượng lao động*: Nhìn chung, chất lượng lao động của tỉnh Hà Tĩnh chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội: lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật của Hà Tĩnh vẫn còn thấp. Đến 08/2008, lao động đã qua đào tạo là 20,5%, còn lại là lao động phổ thông.

2.2.2.2. Các chính sách giải quyết việc làm của Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

* *Phát triển kinh tế xã hội nhằm tạo việc làm mới*

* *Về chính sách đào tạo và định hướng nghề nghiệp*

* *Xuất khẩu lao động*

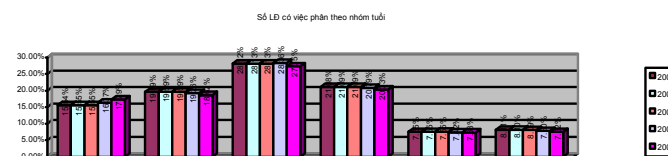
* *Di dân kinh tế mới nội tỉnh*

* *Chính sách cho vay vốn giải quyết việc làm*

2.2.2.3. Thực trạng việc làm và thất nghiệp, thiếu việc làm ở Hà Tĩnh thời gian qua

* *Thực trạng giải quyết việc làm trong thời gian qua*

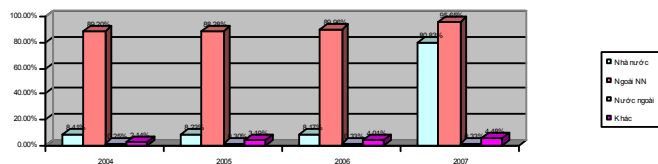
- *Lao động có việc làm phân theo nhóm tuổi*



Biểu đồ 2.2: Số lao động có việc làm phân theo nhóm tuổi giai đoạn 2004-2008

Quy mô, tỷ lệ gia tăng số lao động có việc làm trong độ tuổi lao động ở Hà Tĩnh rất hợp lý. Số lao động có việc làm ở Hà Tĩnh chủ yếu tập trung vào lực lượng lao động trẻ

- *Lao động có việc làm phân theo thành phần kinh tế*



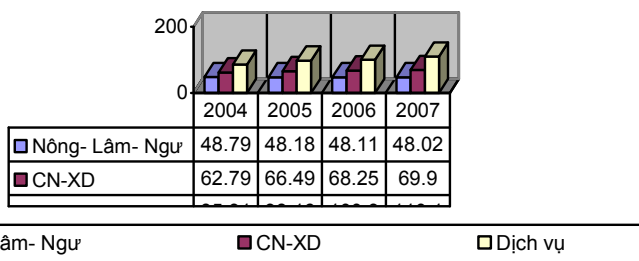
Biểu đồ 2.3: Số lao động có việc làm phân theo thành phần kinh tế (2004- 2007)

Lao động có việc làm ở Hà Tĩnh chủ yếu tập trung vào thành phần kinh tế ngoài nhà nước. Trong khi đó, lao động có việc làm trong thành phần kinh tế Nhà nước và nước ngoài tuy có xu hướng tăng đều nhưng vẫn chiếm tỷ lệ thấp

- Lao động có việc làm phân theo khu vực và ngành kinh tế

+ Lao động có việc làm theo khu vực: Lao động có việc làm ở Hà Tĩnh tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn, năm 2005 là 582.919 người, chiếm hơn 90%, năm 2007 là 603.986, chiếm 99,91%. Trong khi đó, lao động ở khu vực thành thị chiếm tỷ lệ khá thấp (năm 2005 là 9,82% và 2007 là 0,91%).

+ Lao động có việc làm theo ngành kinh tế



Biểu đồ 2.4: Số lao động có việc làm phân theo ngành giai đoạn 2004 – 2007

- Tình hình xuất khẩu lao động của Hà Tĩnh từ năm 2004 đến nay

Tính từ năm 2004 đến 2008, toàn tỉnh đã có hơn 38 ngàn lượt người đi xuất khẩu lao động (bình quân hàng năm trên 6 ngàn người), hiện đang có xấp xỉ 20 ngàn người làm việc ở nhiều nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, mỗi năm chuyển về nước khoảng 45-50 triệu USD, tương đương với 800 tỷ đồng Việt Nam.

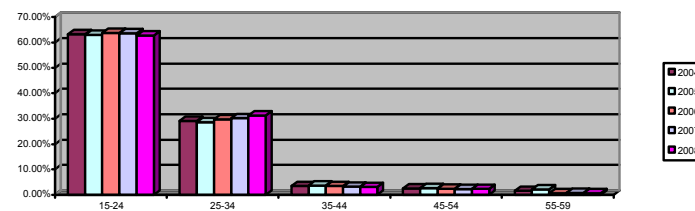
Bảng 2.12: Kết quả xuất khẩu lao động giai đoạn 2004-2008

Năm	Tổng số	Chia theo thị trường
-----	---------	----------------------

		Đài Loan	Hàn Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Các nước khác
2004	5.942	1.940	845	156	1.908	1.093
2005	5.030	1.150	643	179	2.749	309
2006	6.125	504	736	180	4.155	550
2007	6.450	928	873	209	3.064	1.376
2008	6.125	1.220	1101	274	1.683	1.847
Tổng cộng	29.672	5.742	4.198	998	13.559	5175

* Thực trạng thất nghiệp và thiếu việc làm của Hà Tĩnh trong thời gian qua

- Thực trạng thất nghiệp và thiếu việc làm phân theo nhóm tuổi



Biểu đồ 2.5: Thất nghiệp và thiếu việc làm phân theo nhóm tuổi giai đoạn 2004-2008

Tình hình thất nghiệp ở Hà Tĩnh chủ yếu tập trung vào lao động trong độ tuổi từ 15-24, chiếm bình quân 63,271%, độ tuổi từ 25-34 chiếm bình quân là gần 30%. Xu hướng thất nghiệp có chiều hướng giảm dần trong những năm gần đây trong độ tuổi 15-24, đây là một tín hiệu đáng mừng trong việc tạo việc làm mới.

- Thất nghiệp và thiếu việc làm phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2004-2008



Biểu đồ 2.6: Thất nghiệp và thiếu việc làm theo thành phần kinh tế giai đoạn 2004-2008

Tình hình thất nghiệp có chiều hướng gia tăng và có sự chênh lệch lớn giữa các thành phần kinh tế: năm 2004 là 8077 người đến năm 2008 là 8894 người. Tỷ lệ thất nghiệp trong khu vực kinh tế nhà nước, nước ngoài, và thành

phần khác tương đối ổn định, tăng giảm không đáng kể, số lao động dao động chủ yếu trong thành phần kinh tế ngoài nhà nước

- *Thất nghiệp và thiếu việc làm phân theo khu vực*

Bảng 2.15: Thất nghiệp và thiếu việc làm phân theo khu vực giai đoạn 2004-2008

Chỉ tiêu (đơn vị tính: %)	2004	2005	2006	2007	2008
Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực thành thị	3,92	4,78	4,07	3,75	3,54
Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông thôn	12,46	13,32	12,81	12,35	11,5

Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực thành thị tương đối thấp hơn so với tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn. Điều đó cũng cho thấy ở thành thị, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra nhanh và mạnh mẽ hơn so với nông thôn.

2.3.1. Đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế

2.3.1.1. Những kết quả đạt được

Nhận thức, quan niệm của người lao động về việc làm đã được thay đổi cơ bản; chương trình giải quyết việc làm được triển khai thực hiện có kết quả: tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đã giảm; phát triển và đa dạng hoá các hình thức sản xuất kinh doanh, tạo nhiều việc làm mới cho người lao động; công tác giải quyết việc làm gần đã gắn với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động; chất lượng nguồn lao động đã dần được nâng cao; công tác đầu tư vốn tín dụng cho người nghèo đã giúp giải quyết thêm việc làm và việc làm mới cho người lao động

2.3.1.2. Những hạn chế tồn tại

Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị vẫn còn cao; cơ cấu lao động mất cân đối nghiêm trọng trong đó: rất thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật đã qua đào tạo, thừa lao động phổ thông; công tác đào tạo nghề cho người lao động chưa được đầu tư đúng mức dẫn đến tình trạng không chỉ thừa lao động phổ thông mà còn thừa cả lao động ngay sau khi đã được đào tạo; còn thiếu những chính sách kinh tế đủ mạnh để thu hút đầu tư, khai thác được mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, tạo mở việc làm.

Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

Thứ nhất: mâu thuẫn giữa cung và cầu lao động: Cung lao động không phù hợp với cầu lao động về số lượng, chất lượng và cơ cấu.

Thứ hai: Chưa xây dựng được chiến lược phát triển kinh tế phù hợp để khai thác triệt để các nguồn lực sẵn có, quá chú trọng đến các ngành nghề ưu tiên đầu tư trong khi lao động của tỉnh chủ yếu chưa qua đào tạo.

Thứ ba: Hiệu quả hoạt động của hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm và sàn giao dịch việc làm của tỉnh còn thấp

Thứ tư: Quản lý nhà nước về lao động và việc làm còn nhiều yếu kém.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM Ở HÀ TĨNH TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA GIAI ĐOẠN 2008-2013

3.1. Quan điểm về giải quyết việc làm ở Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2008 - 2013

3.1.1. Giải quyết việc làm phải lấy những người có nhu cầu việc làm là trọng tâm, trọng điểm, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn xã hội

3.1.2. Sử dụng nguồn lao động phải trên cơ sở nâng cao chất lượng lao động

3.1.3. Giải quyết việc làm trên cơ sở phát triển kinh tế

3.1.4. Giải quyết việc làm phải đảm bảo sự kết hợp thống nhất giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội

3.2. Mục tiêu và phương hướng giải quyết việc làm ở Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2008 – 2013

3.2.1. Mục tiêu

3.2.1.1. Mục tiêu chung

3.2.1.2. Mục tiêu cụ thể đến 2013

Tạo việc làm mới bình quân hàng năm từ 35 - 45 nghìn lao động

3.2.2. Phương hướng giải quyết việc làm cho người lao động ở Hà Tĩnh giai đoạn 2008-2013

3.2.2.1. Phát triển các thành phần kinh tế tạo điều kiện mở rộng việc làm

3.2.2.2. Mở rộng hợp tác quốc tế - xuất khẩu lao động

3.2.2.3. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ đáp ứng yêu cầu đa dạng công việc

3.2.2.4. Xây dựng chính sách phù hợp, hoàn thiện và mở thêm các đơn vị đào tạo, giới thiệu việc làm, hướng nghiệp, dạy nghề

3.2.2.5. Xây dựng chính sách phát triển và thu hút nguồn nhân lực

3.3. Những giải pháp chủ yếu để giải quyết việc làm có hiệu quả ở tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

3.3.1. Nhóm giải pháp về dân số và kế hoạch hóa gia đình (giảm sức ép về cung lao động)

3.3.1.1. Mục tiêu

3.3.1.2. Giải pháp

* Nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý

* Tăng cường truyền thông giáo dục

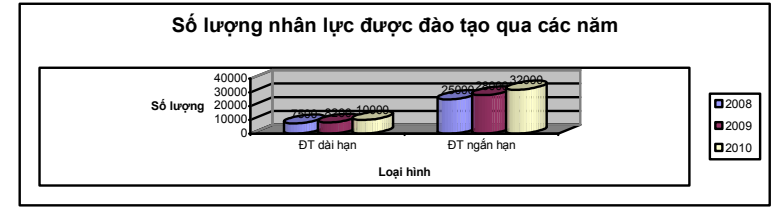
* Phát triển đa dạng và nâng cao hơn nữa chất lượng của các cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

* Nâng cao trình độ dân trí, tăng cường vai trò của gia đình và thực hiện bình đẳng giới nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân số về thể chất và tinh thần bằng cách:

* Phải có kế hoạch để tăng cường về chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, có kinh phí để thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.

3.3.2. Nhóm giải pháp về phát triển dạy nghề và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc đào tạo chuyên môn cho người lao động nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề. Đào tạo nghề gắn liền với nhu cầu xã hội

3.3.2.1. Nhiệm vụ, mục tiêu



Biểu đồ 3.1: Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề

3.3.2.2. Các giải pháp

* Có cơ chế chính sách ưu tiên, khuyến khích những cơ sở đào tạo dạy nghề, giới thiệu việc làm....; củng cố, sắp xếp lại các cơ sở dạy nghề trên toàn tỉnh

* Tăng cường cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy nghề

* Tăng cường về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên

* Tăng cường quản lý nhà nước về đào tạo nghề, giới thiệu việc làm

3.3.3. Nhóm giải pháp tăng cầu lao động

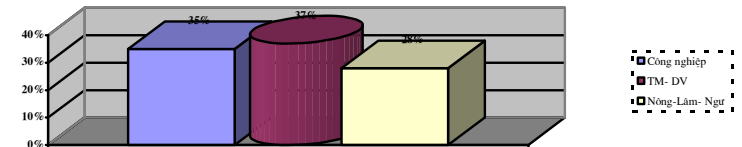
3.3.3.1. Tạo cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, đặc biệt là những ngành nghề có thể tạo ra được nhiều việc làm, phù hợp với tình hình của vùng, của địa phương

* Mục tiêu

* Giải pháp: Có cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào tỉnh: Ưu đãi về vị trí, về tài chính, thuế suất, cơ sở hạ tầng; giảm bớt các thủ tục hành chính trong việc quản lý doanh nghiệp; tăng cường quảng bá thông tin kêu gọi đầu tư trên các phương tiện thông tin trong và ngoài nước.

3.3.3.2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tạo việc làm cho người lao động

* Mục tiêu: Phân đấu đến năm 2010 cơ cấu GDP của tỉnh như sau



Biểu đồ 3.2: Giá trị GDP của các ngành năm 2010

** Giải pháp*

- *Đối với ngành Công nghiệp Xây dựng:* Tập trung mọi nguồn lực tiếp tục xây dựng, triển khai các khu công nghiệp trọng điểm

- *Đối với ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp:* Chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với phát huy hiệu quả và tiềm năng lợi thế của từng địa phương

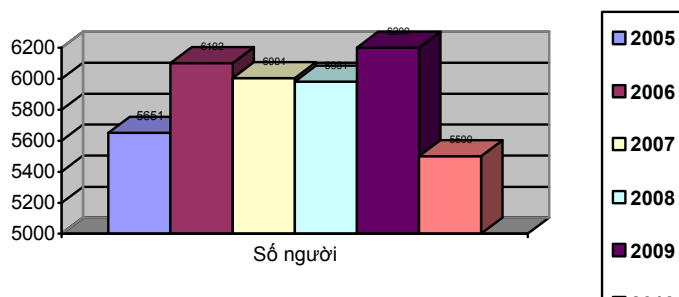
- *Đối với ngành dịch vụ:* Mở rộng và đa dạng hóa các loại hình thương mại xây dựng và khai thác hệ thống trung tâm thương mại; tập trung vào một số mặt hàng thiết yếu có ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân

3.3.4. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội để mở rộng việc làm

3.3.5. Đẩy mạnh việc xuất khẩu lao động

3.3.5.1. Mục tiêu

Phân đầu đến năm 2010 có khoảng 25-30 nghìn lượt người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, trong đó mỗi năm bình quân có khoảng 5-6 nghìn người:



Biểu đồ 3.3: Số lượng lao động đi xuất khẩu lao động

3.3.5.2. Giải pháp thực hiện

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về xuất khẩu lao động; tập trung chỉ đạo 3 đơn vị được phép tuyển lao động trực tiếp thực hiện tốt chức năng tuyển lao động và xuất khẩu lao động; tăng cường công tác quảng bá cung ứng lao động ra thị trường các nước; chấn chỉnh củng cố các đơn vị làm dịch vụ xuất khẩu lao động; đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục tạo nguồn để người lao động; quan tâm và tạo điều kiện cho người lao động ở các vùng khó

khăn, vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa bằng các biện pháp thiết thực như hỗ trợ kinh phí, cho vay ưu đãi...

3.3.6. Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, phù hợp với bối cảnh và điều kiện ở tỉnh Hà Tĩnh, ưu tiên phát triển những ngành nghề mới, sử dụng nhiều lao động có tay nghề

3.3.7. Nâng cao hiệu quả thị trường lao động

3.3.7.1. Mục tiêu

3.3.7.2. Giải pháp

Có cơ chế buộc các đơn vị, cá nhân có hoạt động thuê mướn lao động dưới bất kỳ hình thức nào đều phải thực hiện nghiêm túc quy định của Pháp luật; tiếp tục cải cách hành chính; có chính sách ưu đãi, thu hút nhân lực cho phát triển sản xuất kinh doanh; tăng cường quan hệ ngoại giao nhằm mở rộng và phát triển thị trường lao động ngoài tỉnh và nước ngoài; xây dựng, quy hoạch một cách có hệ thống, có tổ chức các cơ sở giới thiệu việc làm theo hướng trực tuyến.

3.3.8. Di dân kinh tế mới

3.3.8.1. Mục tiêu

3.3.8.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Có các chính sách hợp lý, phù hợp với đặc điểm của từng vùng kinh tế mới, phù hợp với lợi ích của những gia đình di dân; đầu tư cải tạo tốt hơn nữa hệ thống cơ sở hạ tầng; thực hiện tốt chính sách định canh, định cư, chính sách đãi ngộ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho vùng kinh tế mới; thực hiện tốt chính sách giao quyền chủ động khai thác đất đai; thành lập các trung tâm nghiên cứu giống cây trồng.

3.4. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lao động ở Hà Tĩnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

3.4.1. Đối với tỉnh Hà Tĩnh

* Xây dựng, hoàn thiện thêm hệ thống văn bản pháp quy giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

* Có kế hoạch rõ ràng trong từng giai đoạn đối với việc quy hoạch, phát triển, đưa công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào từng ngành, nghề, lĩnh vực. Xây dựng kế hoạch cung cấp nguồn nhân lực với các trình độ khác nhau trên cơ sở yêu cầu của công việc theo các thời kỳ: Ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

* Có kế hoạch trong việc đào tạo bổ sung, đào tạo lại, có kế hoạch giải quyết những lao động dôi dư do bị ảnh hưởng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

* Quy hoạch lại mạng lưới đào tạo, giao nhiệm vụ cụ thể gắn liền với trách nhiệm và quyền lợi của mỗi cơ sở.

* Có chính sách thu hút người tài, người có trình độ về công tác tại tỉnh.

* Có chính sách hỗ trợ về kinh phí như cho vay ưu đãi để học nghề, học ngoại ngữ đi xuất khẩu lao động.

* Đẩy mạnh phát triển đa dạng các thành phần kinh tế.

* Tăng cường thanh kiểm tra các cơ sở đào tạo, giới thiệu việc làm, có hình thức xử phạt thích đáng nếu phát hiện ra các sai phạm của các cá nhân, cơ sở.

* Có chính sách hỗ trợ kinh phí tập huấn trong việc xóa đói giảm nghèo cho nhân dân.

* Tập trung huy động mọi nguồn lực, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các dự án phục vụ dự án trọng điểm.

* Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đi vào hoạt động theo kế hoạch.

* Tập trung hoàn thành và phê duyệt một số quy hoạch trọng điểm.

* Triển khai Đề án nông nghiệp, nông thôn, nông dân theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7.

* Quan tâm việc phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, xây dựng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

3.4.2. Đối với Chính phủ

* Chính phủ cần có kế hoạch chi tiết, cụ thể trong việc quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đối với tỉnh Hà Tĩnh, trên cơ sở đó tỉnh sẽ triển khai theo kế hoạch đã được phê duyệt.

* Có chính sách ưu đãi đối với tỉnh Hà Tĩnh trong việc đầu tư, phát triển kinh tế xã hội.

* Chỉ đạo sâu sát việc xây dựng các khu kinh tế mới, các khu kinh tế trọng điểm như Vũng Áng, Thiên Cầm. Ưu tiên cấp vốn đầu tư trong việc nâng cấp cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, các cơ sở trung tâm đào tạo.

3.4.3. Đối với các Bộ, ban ngành khác

* Tạo điều kiện cho tỉnh Hà Tĩnh trong việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng cường việc trao đổi kinh nghiệm trong việc phát triển kinh tế, giải quyết việc làm.

* Tăng cường trao đổi lao động căn cứ vào lợi thế và đặc điểm của từng ngành, từng lĩnh vực, từng nghề.

* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư, nâng cấp các cơ sở đào tạo nghề.

* Bổ sung thêm nguồn vốn vay quỹ quốc gia giải quyết việc làm, hỗ trợ kinh phí, tăng cường nhân lực cho những người làm việc chuyên trách trong lĩnh vực đào tạo, giới thiệu việc làm.

KẾT LUẬN

Xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tất yếu trong xã hội, căn cứ theo đặc điểm của từng tỉnh, từng địa phương có thể áp dụng theo mức độ như thế nào, vào thời điểm nào, trong lĩnh vực nào. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng, nhưng bên cạnh đó cũng có những vấn đề cần phải giải quyết như ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, vấn đề việc làm... Giải quyết việc làm luôn là vấn đề lớn của mọi quốc gia, là thách thức trong việc phát triển kinh tế xã hội, giải quyết việc làm đặt trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa lại càng là vấn đề lớn.

Tỉnh Hà Tĩnh đã xác định rõ quan điểm phát triển kinh tế - xã hội không có con đường nào khác là phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đây là điều kiện tiên quyết đối với các tỉnh muốn thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu tiến lên văn minh, hiện đại. Để thực hiện được công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần phải có những bước đi và giải pháp phù hợp với đặc điểm của tỉnh, không nên áp dụng máy móc các địa phương khác, Hà Tĩnh là một tỉnh đi sau về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên cũng được kế thừa những kinh nghiệm của những địa phương đi trước. Với đặc điểm là một tỉnh nghèo, lạc hậu, Hà Tĩnh cũng đã lường được những khó khăn khi tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa như: vấn đề ô nhiễm môi trường, vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động... Luận văn với đề tài "***Giải quyết việc làm***

trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Tĩnh" đã có những đóng góp nhất định:

1. Khảo sát được thực trạng, mức độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Hà Tĩnh trong thời gian qua, những khó khăn, thuận lợi, thách thức, những vấn đề cần phải giải quyết, rút kinh nghiệm. Đưa ra được những phân tích sự ảnh hưởng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với các lĩnh vực trong đời sống kinh tế, xã hội, những vấn đề phát sinh như vấn đề ô nhiễm môi trường, vấn đề việc làm cho người lao động, định hướng thêm trong việc đưa công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào các lĩnh vực trong từng thời điểm.

2. Tiếp cận, phân tích có tính lý luận về vấn đề việc làm, thị trường lao động giải quyết việc làm, thất nghiệp... Luận văn hệ thống được các khái niệm trên trên cơ sở phân tích đặc điểm văn hóa, kinh tế, xã hội của tỉnh Hà Tĩnh. Luận văn đưa ra được những giải pháp mang tính thực tiễn cao trong việc giải quyết việc làm gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Đưa ra được những số liệu chính xác về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sự ảnh hưởng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến đời sống nhân dân. Những số liệu về dân số, việc làm, thất nghiệp, cơ cấu nền kinh tế của Hà Tĩnh. Đây là cơ sở để đưa ra những chính sách phù hợp giải quyết việc làm của người lao động Hà Tĩnh.

4. Đưa ra được những đánh giá về nguyên nhân, những tồn tại, khó khăn của một số chính sách trong vấn đề giải quyết việc làm của tỉnh Hà Tĩnh. Những kiến nghị xuất phát từ thực tiễn của tỉnh Hà Tĩnh trong vấn đề giải quyết việc làm. Với mục tiêu giải quyết được mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế với giải quyết việc làm là một bài toán khó của nhiều quốc gia, nhiều địa phương.

Để hoàn thành luận văn, tác giả đã có nhiều cố gắng trong việc tìm kiếm và hệ thống tài liệu liên quan. Đây là vấn đề không mới nhưng khó đối với tất cả các quốc gia nói chung và đối với tỉnh Hà Tĩnh nói riêng nên cũng không tránh khỏi những hạn chế, sai sót. Tác giả xin được sự góp ý chân thành của các thầy cô giáo, các bạn.

Những kết quả ban đầu mà luận văn đã đạt được thể hiện sự cố gắng trong nghiên cứu, sự giúp đỡ nhiệt tình của các thầy cô giáo, các nhà khoa học, bạn bè; đặc biệt là TS. Trần Anh Tài, giáo viên hướng dẫn đã nhiệt tình chỉ bảo trong việc hoàn thành luận văn này.